

Số: /TTr-UBND

Krông Nô, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc giao dự toán toán kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước
năm 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo
bền vững trên địa bàn huyện Krông Nô**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Nghị quyết số 43 ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh về việc phân bổ ngân sách tỉnh năm 2025 và giao dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Để kịp thời triển khai thực hiện các nhiệm vụ chương trình giảm nghèo bền vững năm 2025, UBND huyện kính trình HĐND huyện thông qua Nghị quyết về việc giao dự toán kinh phí dự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm

2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nô, với nội dung cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Nghị quyết số 43 ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh về việc phân bổ ngân sách tỉnh năm 2025 và giao dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Do đó, việc xây dựng, trình HĐND huyện ban hành Nghị quyết về việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Krông Nô là cần thiết và đúng quy định, thẩm quyền.

2. Nguyên tắc phân bổ

Việc phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Krông Nô tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tuân thủ các nguyên tắc quy định tại:

- Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh.

3. Phương án phân bổ:

Trên cơ sở Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Nghị quyết số 43 ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh về việc phân bổ ngân sách tỉnh năm 2025 và giao dự toán kinh phí

sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, UBND huyện Krông Nông kính trình HĐND huyện Krông Nông giao dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Krông Nông, cụ thể như sau:

Tổng dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 là 6.842 triệu đồng, bao gồm: Ngân sách trung ương là 6.220 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 186 triệu đồng, ngân sách huyện là 436 triệu đồng, cụ thể:

- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo với tổng kinh phí là 3.938 triệu đồng, gồm: Ngân sách trung ương là 3.580 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 107 triệu đồng, ngân sách huyện là 251 triệu đồng.

- Tiểu dự án 1, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng với tổng kinh phí là 1.840 triệu đồng, gồm: Ngân sách trung ương là 1.673 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 50 triệu đồng, ngân sách huyện là 117 triệu đồng.

- Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều với tổng kinh phí là 206 triệu đồng, gồm: Ngân sách trung ương là 187 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 6 triệu đồng, ngân sách huyện là 13 triệu đồng.

- Dự án 7: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều với tổng kinh phí là 858 triệu đồng, gồm: Ngân sách trung ương là 780 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 23 triệu đồng, ngân sách huyện là 55 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục 01, 02 đính kèm)

Danh mục tài liệu trình HĐND huyện, gồm có: Dự thảo Nghị quyết của HĐND huyện thông qua việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Krông Nông.

Kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- UBNDTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng: TCKH, NN&MT;
- UBND các xã, thị trấn;
- CVP, các PCVP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ngô Xuân Hà

**DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

DVT: Triệu đồng

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Vốn đối ứng ngân sách địa phương			
				Trong đó			
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
	TỔNG CỘNG	6.842,00	6.220,00	622,00	186,00	436,00	
1	UBND xã Đắk Sôr	1.047,00	953,50	93,50	28,00	65,50	
2	UBND xã Nam Xuân	89,00	80,50	8,50	2,00	6,50	
3	UBND xã Nam Đà	1.060,00	961,50	98,50	29,00	69,50	
4	UBND xã Tân Thành	1.045,50	953,50	92,00	28,00	64,00	
5	UBND xã Buôn Choah	87,50	80,50	7,00	3,00	4,00	
6	UBND xã Đắk Drô	89,00	80,50	8,50	2,00	6,50	
7	UBND xã Năm N'Đir	89,00	80,50	8,50	2,00	6,50	
8	UBND xã Năm Nung	89,00	80,50	8,50	2,00	6,50	
9	UBND xã Đức Xuyên	1.046,50	953,50	93,00	28,00	65,00	
10	UBND xã Đắk Nang	88,00	80,50	7,50	3,50	4,00	
11	UBND xã Quảng Phú	1.052,50	954,50	98,00	29,50	68,50	
12	UBND thị trấn Đắk Mâm	1.059,00	960,50	98,50	29,00	69,50	

Phụ lục 2

**DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

DVT: Triệu đồng

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Vốn đối ứng ngân sách địa			
				Trong đó			
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
	TỔNG CỘNG	6.842,00	6.220,00	622,00	186,00	436,00	
I	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	3.938,00	3.580,00	358,00	107,00	251,00	
1	UBND xã Nam Đà	661,00	600,00	61,00	18,00	43,00	
2	UBND xã Đắk Sôr	654,00	595,00	59,00	18,00	41,00	
3	UBND TT Đắk Mâm	661,00	600,00	61,00	18,00	43,00	
4	UBND xã Tân Thành	653,00	595,00	58,00	17,00	41,00	
5	UBND xã Quảng Phú	655,00	595,00	60,00	18,00	42,00	
6	UBND xã Đức Xuyên	654,00	595,00	59,00	18,00	41,00	
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	1.840,00	1.673,00	167,00	50,00	117,00	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	1.840,00	1.673,00	167,00	50,00	117,00	
1.1	UBND xã Nam Đà	309,00	280,00	29,00	9,00	20,00	
1.2	UBND xã Đắk Sôr	305,00	278,00	27,00	8,00	19,00	
1.3	UBND TT Đắk Mâm	309,00	280,00	29,00	9,00	20,00	
1.4	UBND xã Tân Thành	305,00	278,00	27,00	8,00	19,00	
1.5	UBND xã Quảng Phú	307,00	279,00	28,00	8,00	20,00	
1.6	UBND xã Đức Xuyên	305,00	278,00	27,00	8,00	19,00	
III	Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	206,00	187,00	19,00	6,00	13,00	
1	Phân cấp cho cấp xã	206,00	187,00	19,00	6,00	13,00	
1.1	UBND xã Đắk Sôr	17,00	15,50	1,50	-	1,50	
1.2	UBND xã Nam Xuân	17,00	15,50	1,50	-	1,50	
1.3	UBND xã Nam Đà	18,00	16,50	1,50	-	1,50	
1.4	UBND xã Tân Thành	17,00	15,50	1,50	1,50	-	
1.5	UBND xã Buôn Choah	17,00	15,50	1,50	1,50	-	
1.6	UBND xã Đắk Drô	17,00	15,50	1,50	-	1,50	
1.7	UBND xã Năm N'Đir	17,00	15,50	1,50	-	1,50	
1.8	UBND xã Năm Nung	17,00	15,50	1,50	-	1,50	
1.9	UBND xã Đức Xuyên	16,50	15,50	1,00	-	1,00	
1.10	UBND xã Đắk Nang	17,00	15,50	1,50	1,50	-	

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Vốn đối ứng ngân sách địa			
				Trong đó			
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1.11	UBND xã Quảng Phú	18,50	15,50	3,00	1,50	1,50	
1.12	UBND thị trấn Đắk Mâm	17,00	15,50	1,50	-	1,50	
IV	Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình	858,00	780,00	78,00	23,00	55,00	
1	Phân cấp cho cấp xã	858,00	780,00	78,00	23,00	55,00	
1.1	UBND xã Đắk Sôr	71,00	65,00	6,00	2,00	4,00	
1.2	UBND xã Nam Xuân	72,00	65,00	7,00	2,00	5,00	
1.3	UBND xã Nam Đà	72,00	65,00	7,00	2,00	5,00	
1.4	UBND xã Tân Thành	71,00	65,00	6,00	1,50	4,00	
1.5	UBND xã Buôn Choah	71,00	65,00	6,00	1,50	4,00	
1.6	UBND xã Đắk Drô	72,00	65,00	7,00	2,00	5,00	
1.7	UBND xã Năm N'Đir	72,00	65,00	7,00	2,00	5,00	
1.8	UBND xã Năm Nung	71,00	65,00	6,00	2,00	5,00	
1.9	UBND xã Đức Xuyên	71,00	65,00	6,00	2,00	4,00	
1.10	UBND xã Đắk Nang	71,00	65,00	6,00	2,00	4,00	
1.11	UBND xã Quảng Phú	72,00	65,00	7,00	2,00	5,00	
1.12	UBND thị trấn Đắk Mâm	72,00	65,00	7,00	2,00	5,00	